

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 05 – 12 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Ông Lê Nguyên Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 117/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1989; cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1989; cư trú: Ấp 2, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

Do có kháng cáo của: Anh Nguyễn Thành T – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: Thông qua mai mối chị D và anh T tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y2, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 25 tháng 10 năm 2018. Sau khi kết hôn, chị và anh T thuê nhà trọ ở và đi làm công nhân tại Công ty Tỷ Xuân tại tỉnh Vĩnh Long, một thời gian anh, chị quay về sống chung với gia đình chồng tại ấp 2, xã Y2, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không quan tâm đến vợ con, dẫn đến vợ chồng anh chị thường hay cự cãi với nhau, tình cảm dành cho nhau dần phai nhạt. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 06 tháng 06 năm 2020 hiện nay đang sống với chị D. Nay chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thành T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian kết hôn, thời gian sống chung, về con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh T cho rằng vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc, vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng dẫn đến chị D phải yêu cầu ly hôn. Hiện nay chị D đã về sống bên gia đình cha mẹ ruột tại Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị D thì anh T không đồng ý. Vì anh còn thương vợ mong muốn vợ chồng đoàn tụ để về cùng chăm sóc nuôi dạy con.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 06 tháng 06 năm 2020 hiện nay đang sống với chị D. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D thì anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 117/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2020 cho chị Trần Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Thành T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/8/2022 anh Nguyễn Thành T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Đề nghị không chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị D, anh T yêu cầu được đoàn tụ với chị D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Trần Thị D đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị đơn Nguyễn Thành T đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, anh T không đồng ý ly hôn với chị D, yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thành T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn anh T phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn, bị đơn không có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 22/8/2022 bị đơn Nguyễn Thành T kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của anh T được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh T không đồng ý ly hôn với chị D. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị D cho rằng nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do vợ chồng

bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không quan T đến vợ con, dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi với nhau, tình cảm dành cho nhau dần phai nhạt; anh T thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, chủ yếu là mâu thuẫn giữa mẹ chồng và con dâu. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh T có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn, hiện tại vợ chồng đã ly thân và chị D đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, tại phiên tòa chị D thừa nhận không còn tình cảm với anh T và cương quyết ly hôn. Do đó, chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2020, nay chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận, bởi vì sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ly thân, chị D là người trực nuôi dưỡng Minh K, hơn nữa Minh K chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện còn nhỏ và đang sống chung với chị D, đang phát triển và cuộc sống đang ổn định. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường cho Minh K cần tiếp tục giao Minh K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thành T, giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Thành T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm, về tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả; về án phí hôn nhân sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thành T.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 117/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị D.

Cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2020 cho chị Trần Thị D nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Thành T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án hôn nhân và gia đình phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0008660 ngày 22/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Anh Nguyễn Thành T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm, về tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả; về án phí hôn nhân sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TAND.HVL: 01b;
- THADS.HVL: 02b;
- UBND xã TQT: 01;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư